

Bản án số: 09/2020/HSST
Ngày: 14/02/2020.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn.

2. Bà Cao Kim Triều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Ngô Anh Hồng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/Họ và tên: **Trần L.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Nhí, sinh ngày: 15/4/1998. Tại: tỉnh Lâm Đồng. HKTT: Số A, Phường B, Quận C. Chỗ ở: Số C, Phường B, Quận C. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa. Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Sửa xe. Cha: Trần K, sinh năm: 1973. Mẹ: Nguyễn B, sinh năm: 1972. Anh, chị, em ruột: bị can là con lớn trong gia đình có 02 anh em. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: 01 tiền án

Ngày 17/11/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2017. Chưa xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 04/9/2019 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1.

2/ Họ và tên: **Đỗ S;** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không, sinh ngày: 06/5/1992. Tại: Tp. Hồ Chí Minh. HKTT: Số E, Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Số E, Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật giáo. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Không. Cha: Đỗ V, sinh năm: 1959. Mẹ: Nguyễn T, sinh năm: 1970. Anh, chị, em ruột: bị

can là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em. Vợ: Nguyễn R, sinh năm: 1995.
Con: Có 01 trẻ sinh năm 2016.

Tiền án: 01 tiền án.

Ngày 05/02/2018 bị Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Chấp hành xong hình phạt tù đến ngày 24/01/2019 tha về (Chưa xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/8/2019 đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Lê A, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần K, sinh năm: 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Số T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 20 phút ngày 25/8/2019, Trần L điều khiển xe mô tô hiệu honda Airblade, biển kiểm soát 59C1 – 349.34 gặp Đỗ S tại đường P, Quận 1 rồi rủ S đi cướp giật tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài; Sơn đồng ý. L đưa xe mô tô cho S điều khiển chở L ngồi phía sau lưu thông đến hẻm số Sô J, Phường Q, Quận 1 thì phát hiện bà Lê A điều khiển xe mô tô chạy hướng ngược lại, trên người bà A có đeo túi xách màu đỏ nên L nói S điều khiển xe áp sát để L giật túi xách của bà A. S điều khiển xe áp sát bên phải bà A để L dùng tay phải giật túi xách của bà A rồi cả hai tẩu thoát; sau đó S điều khiển xe chạy về trước nhà L tại số AC, Phường D, Quận 1 mở túi xách ra; kiểm tra bên trong túi xách có 01 điện thoại di động hiệu I Phone 7 Plus màu hồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 bảo hiểm y tế và 01 sổ tiết kiệm ngân hàng ACB (đều mang tên Lê A) và khoảng 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tại đây cả hai chia nhau tài sản cướp giật được bằng cách: S nói L đưa điện thoại di động cho S và S đưa cho L 3.000.000 đồng; L cầm túi xách mang vào nhà cất sau đó cả hai bỏ trốn. Bà A sau khi bị cướp giật tài sản đã đến Công an phường Đa Kao, Quận 1 trình báo.

Qua truy xét, khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1 bắt được Đỗ S, thu giữ 01 điện thoại di động hiệu I Phone 7 màu hồng trước đó cả hai cướp giật của bà A. Cùng ngày, ông Trần K (cha ruột bị can Trần L) đã giao nộp xe mô tô nhãn hiệu honda Airblade, biển kiểm soát 59C1 – 349.34 là phương tiện S và L dùng để gây án và Trần D (em ruột bị can Trần L) đã giao nộp 01 túi xách màu đỏ cùng các giấy tờ tùy thân của bà Lê A cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1. Ngày 04/9/2019 Cơ quan điều tra bắt được bị cáo Trần L.

Theo Kết luận định giá tài sản số 309/KL-HĐĐGTS ngày 21/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự: 01(một) điện thoại di động hiệu I Phone 7 Plus trị giá 7.100.000 đồng; 01(một) túi xách màu đỏ trị giá 100.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo Đỗ S và Trần L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của S và L phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được.

Bản cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 02/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố các bị cáo Đỗ S, Trần L về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, các bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do các bị cáo gây ra đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Đỗ S, Trần L đã phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Về tiền án:

- Đối với bị cáo Trần L: có 01(một) tiền án. Ngày 17/11/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2017, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/9/2018 đến nay chưa xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tiền sự: Không.

- Đối với bị cáo Đỗ S: Ngày 05/02/2018 bị Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Chấp hành xong hình phạt tù đến ngày 24/01/2019 đến nay chưa xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tiền sự không.

Về tình tiết tăng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đỗ S và bị cáo Trần L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần L từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù; xử phạt bị cáo Đỗ S từ 03 (ba) năm 06 tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

Xử lý vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự của các bị cáo:

- 01(một) túi xách và 01(một) điện thoại di động hiệu I Phone 7 Plus màu hồng, số Imei: 355372082627302 cùng các giấy tờ tùy thân. Đã trả lại cho bị hại bà Lê A. Bà A đã nhận lại túi xách và 01 (một) điện thoại như đã nêu trên. Tuy nhiên, bà A yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 200.000 Việt Nam Đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc cả hai bị cáo chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho

bị hại, mỗi bị cáo phải bồi thường 100.000 (một trăm nghìn) đồng và mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

- 01(một) xe mô tô hiệu honda Airblade, biển kiểm soát 59C1 – 349.34; số khung: RLHJF4605DY535138; số máy: JF46E4073438. Qua xác minh do ông Trần K (cha ruột bị can Trần L) đứng tên đăng ký; ông K cho L mượn xe để sử dụng, không biết L sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên đề nghị trả lại xe cho chủ sở hữu là ông Trần K.

Các tài sản, đồ vật khác thu giữ của bị cáo gồm:

Thu giữ của bị cáo L:

- 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia 8.800 màu nâu, số Imei: 35865012996802. Đây là tài sản cá nhân bị cáo, không liên quan đến vụ án nên đề nghị trả lại cho nhưng để đảm bảo việc thi hành án cần tiếp tục giữ cho đến khi thi hành án xong.

- 01(một) áo thun màu đen và 01 quần Jean lửng màu xanh (đã qua sử dụng), không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Thu giữ của bị cáo S:

- 01(một) áo thun ngắn tay màu xanh và 01 quần Jean lửng màu xanh (đã qua sử dụng), không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Tất cả hiện đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 tạm giữ.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần L, Đỗ S đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tường trình, biên bản bắt người,... đã được chứng minh tại phiên tòa nên có căn cứ để kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 25/8/2019, tại trước nhà số A, Phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Đỗ S và Trần L có hành vi sử dụng xe mô tô, biển kiểm soát 59C1 – 349.34 công khai chiếm đoạt 01 giỏ xách bên trong có 01 điện thoại di động hiệu I Phone 7 Plus cùng 200.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân; tổng trị giá 7.400.000 đồng của bà Lê A rồi nhanh chóng tẩu thoát, đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”. Các bị cáo thực hiện hành vi có phân công, tổ chức nhưng mang tính chất giản đơn, bị cáo L là người rủ rê bị cáo S thực hiện hành vi cướp giật và trực tiếp cướp giật, bị cáo S giúp sức tích cực và trực tiếp điều khiển xe gắn máy chở bị cáo L thực hiện hành vi. Các bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm là điều khiển xe gắn máy trực tiếp thực hiện hành vi cướp

giật. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân và gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội. Cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục và phòng ngừa chung. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần L, Đỗ S đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, người bị hại và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, các bị cáo sử dụng xe gắn máy cố ý chiếm đoạt tài sản là sử dụng thủ đoạn nguy hiểm có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của người khác, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương nên cần có mức án nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tiền án, tiền sự của các bị cáo:

[4.1] Bị cáo Trần L có 01 Tiền án: Ngày 17/11/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; theo bản án số 177/2017/HSST ngày 17/11/2017 thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2017 đến nay chưa xóa án tích, là trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Bị cáo Đỗ S có 01 Tiền án: Ngày 05/02/2018 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Chấp hành xong hình phạt tù đến ngày 24/01/2019 đến nay chưa xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan Điều tra và tại Phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- 01(một) túi xách và 01(một) điện thoại di động hiệu I Phone 7 Plus màu hồng, số Imei: 355372082627302 cùng các giấy tờ tùy thân. Đã trả lại cho bị hại bà Lê A. Tuy nhiên, bà A yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 200.000 Việt Nam Đồng. Xét, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong vụ án và lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, đủ cơ sở buộc các bị cáo phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường 200.000 đồng cho bị hại là bà Lê A, nên buộc mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà A với số tiền là 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Các tài sản khác liên quan đến vụ án bà A đã nhận lại nên không xem xét.

[8] Vật chứng của vụ án:

[8.1] 01(một) xe mô tô hiệu honda Airblade, biển kiểm soát 59C1 – 349.34; số khung: RLHJF4605DY138; số máy: JF46E73438. Qua xác minh do ông Trần K (cha ruột bị can Trần L) đứng tên đăng ký; ông K cho L mượn xe để sử dụng, không biết L sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu ông K là phù hợp và có cơ sở nên được chấp nhận.

[8.2] Các tài sản, đồ vật khác thu giữ của các bị cáo gồm:

Bị cáo L:

- Trả lại 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia 8.800 màu nâu, số Imei:35865012996802 cho bị cáo Trần L nhưng cần đảm bảo cho việc thi hành án nên cần tiếp tục tạm giữ cho đến khi thi hành án xong.

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) áo thun màu đen và 01(một) quần Jean lưng màu xanh (đã qua sử dụng), không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo S:

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) áo thun ngắn tay màu xanh và 01 quần Jean lưng màu xanh (đã qua sử dụng), không còn giá trị sử dụng.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và do các bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại nên mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Bị cáo Trần L (tên gọi khác là Nhí) và bị cáo Đỗ S cùng phạm tội “cướp giật tài sản”.

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần L 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2019.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Đỗ S 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/8/2019.

3. Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 30, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Buộc các bị cáo Trần L, Đỗ S phải chịu trách nhiệm liên đới bồi cho bị hại bà Lê A số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Lê A số tiền là 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Cơ quan Thi hành án Dân sự chủ động ra Quyết định thi hành án về khoản tiền mà các bị cáo L, S phải bồi thường nếu các bị cáo L, S chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

- Trả lại 01(một) xe mô tô hiệu honda Airblade, biển kiểm soát 59C1 – 349.34; số khung: RLHJF4605DY535138; số máy: JF46E4073438. Qua xác minh do ông Trần K (cha ruột bị cáo Trần L) đứng tên đăng ký chủ sở hữu cho ông Trần K.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng 284-19/PNK ngày 19/9/2019 của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 8.800 màu nâu, số Imei:35865012996802 cho bị cáo Trần L nhưng cần đảm bảo cho việc thi hành án về sau nên tiếp tục tạm giữ cho đến khi thi hành án xong.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 159-19/PNK ngày 25/9/2019 của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy các đồ vật thu giữ của bị cáo L:

+ 01 (một) áo thun màu đen và 01(một) quần Jean lửng màu xanh (tất cả đã qua sử dụng), không còn giá trị sử dụng (Theo phiếu nhập kho vật chứng số 159-19/PNK ngày 25/9/2019 của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Tịch thu tiêu hủy các đồ vật thu giữ của bị cáo S:

+ 01 (một) áo thun ngắn tay màu xanh và 01 (một) quần Jean lửng màu xanh (tất cả đã qua sử dụng), không còn giá trị sử dụng (Theo phiếu nhập kho vật chứng số 161-19/PNK ngày 19/9/2019 của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 21; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần L, Đỗ S mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần L, Đỗ S mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

6. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Công an Quận 1, TP.HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp TP. HCM
- Các bị cáo;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ .(TK.Minh Anh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Hoàng Vương